

Bản án số:01/2022/HS-ST
Ngày 12/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Dương và ông Xồng Bá Nỗ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 103/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2022/TB-TA ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Văn Q.** Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 06 tháng 02 năm 1979 tại huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ Văn M (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950. Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 27/6/1998, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”. Đã chấp hành xong bản án theo quy định.

- Ngày 21/4/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đã chấp hành xong bản án theo quy định.

- Ngày 29/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đã chấp hành xong bản án theo quy định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 06 năm 2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Thị N.** Tên gọi khác: Không

Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1974 tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã N, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Xuân M (đã chết) và con bà Trần Thị N (đã chết). Chồng: Đặng Văn Đ, sinh năm 1971, hiện đang chấp hành án; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án: Ngày 29/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Đã chấp hành xong bản án theo quy định nhưng chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 06 năm 2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Anh: Trần Văn T, sinh năm 1964.(Vắng mặt)

Trú tại: xóm 9, xã N, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

+ Anh: Hà Văn H, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Trú tại: Xóm H, xã N, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.

- *Người chứng kiến:*

+ Anh: Vi Văn C, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Trú tại: bản Q, xã T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

+ Anh: Vi Văn V, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Trú tại: bản Q, xã T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/6/2021, Trần Thị N gọi điện thoại nhờ Võ Văn Q thuê xe ô tô để N đi thăm chồng là Đặng Văn Đ sinh năm 1971, đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An; Võ Văn Q đồng ý, sau đó Q gọi điện thoại cho Trần Văn T, sinh năm 1968, trú tại xóm 9, xã N, huyện Nghĩa

Đàn, tỉnh Nghệ An đi cùng cho vui, rồi hẹn với Trần Văn T vào ngày 22/6/2021 có mặt tại cổng Trường cấp II, xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An để cùng nhau đi Tđồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 22/6/2021, Võ Văn Q, gọi điện thoại cho anh Hà Văn H, sinh năm 1991, trú tại xóm H, xã N, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An làm nghề lái xe chở đi, anh H đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh Hà Văn H điều khiển xe ô tô mang BKS: 37A-508.40 đến tại cổng Trường cấp II, xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An để chở Võ Văn Q, Trần Thị N và Trần Văn T. Khi mọi người ngồi lên xe Q nói H điều khiển xe đi lên huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì đến thị trấn T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, sau đó vào một quán ven đường ăn cơm. Khi đang ngồi ăn cơm khoảng 15 phút thì có người phụ nữ đến tự giới thiệu tên là Ngọc (Ngọc là bạn tù của N) ngồi vào cùng uống bia (Q, N, T, H đều không biết họ, địa chỉ cụ thể của Ngọc). Sau khi ăn cơm xong Q, N, T, H và người phụ nữ tên Ngọc cùng nhau đến thuê hai phòng nghỉ tại khách sạn Lam Giang, thuộc thị trấn Thạch Giám, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An để nghỉ trưa. Tại khách sạn Lam Giang, Trần Văn T và Hà Văn H nghỉ tại phòng 104; Võ Văn Q, Trần Thị N và người phụ nữ tên Ngọc nghỉ tại phòng 102. Khi vào phòng N đi vào phòng vệ sinh, còn Q và Ngọc ngồi trên giường; lúc này Q lấy trong người ra hai viên hồng phiến (ma túy tổng hợp) để sử dụng, thấy vậy Ngọc cũng sử dụng ma túy cùng với Q. Khoảng 10 phút thì Trần Thị N từ trong phòng vệ sinh ra và đứng ở cuối giường; thấy Ngọc sử dụng ma túy nên Q hỏi Ngọc “ở trên này có ai bán hồng phiến không?” (ý hỏi có ai bán ma túy tổng hợp không); Ngọc trả lời “có”, Q hỏi tiếp “một túi bao nhiêu tiền?”, Ngọc trả lời “một túi bốn triệu đồng”, Q nói “cho Q sáu túi” (ý nói mua cho Q 06 túi ma túy); đồng thời Q lấy tiền trong người ra đếm được 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng). Việc trao đổi mua ma túy giữa Q và Ngọc, N đứng gần đó nghe và biết. Do thiếu tiền mua ma túy nên Q đã hỏi vay với N số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); N biết rõ Q vay tiền là để mua ma túy, nhưng vẫn đồng ý cho Q vay. N lấy ra số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đưa cho Q, Q cầm tiền vay của N góp vào số tiền 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) của Q thành tổng số tiền là 24.000.000 đ (hai mươi bốn triệu đồng) đưa cho Ngọc và nói Ngọc “mua ma túy hồng phiến” (ma túy tổng hợp). Ngọc đồng ý cầm tiền cất rồi đi ra khỏi khách sạn Lam Giang để đi mua ma túy. Sau đó Trần Thị N cũng đi ra khỏi phòng 102 khách sạn Lam Giang để đi công việc riêng; lúc đó Q đi sang phòng 104 ở cùng anh T và anh H. Sau khi xong việc Trần Thị N quay trở lại khách sạn Lam Giang cùng Võ Văn Q, Trần Văn T và Hà Văn H trả phòng nghỉ rồi cùng nhau đi ăn cơm. Sau đó Hà Văn H điều khiển xe ô tô chở Võ Văn Q, Trần Văn T

và Trần Thị N di chuyển đến nhà nghỉ Bắc Nam, thuộc khối H Đông, thị trấn Thạch Giám, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì “Ngọc” cho một người đàn ông đến giao ma túy cho Võ Văn Q (Q không biết tên, tuổi và địa chỉ) tại đường quốc lộ 7A thuộc khu vực khối H Đông, thị trấn Thạch Giám, huyện Tương Dương gồm 04 (bốn) gói bao potylen trong đó 03 (ba) gói bằng bao potylen màu xanh và 01 (một) gói bằng bao potylen màu hồng, bên trong các gói đều chứa các viên nén màu hồng (ma túy tổng hợp), đồng thời người đàn ông cũng trả lại số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho Võ Văn Q là tiền thừa. Q cầm số ma túy mua được và số tiền dư cất, sau đó người đàn ông giao ma túy bỏ đi; cùng lúc đó Hà Văn H cũng điều khiển xe chở Trần Văn Tvà Trần Thị N đến đón Q lên xe đi về. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi Hà Văn H điều khiển xe ô tô chở Võ Văn Q, Trần Thị N và Trần Văn Tđến khu vực bản Q Yên, xã Tam Đình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An thì bị tổ công tác Công an huyện Tương Dương cùng phối hợp với bộ đội Đoàn biên phòng Tam Hợp thuộc Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh Nghệ An đang làm nhiệm vụ kiểm tra, ra tín hiệu yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Lúc này do hoảng sợ nên khi mở cửa xe ô tô ra Q đã rút số ma túy mua được xuống mặt đường quốc lộ 7A. Quá trình kiểm tra Công an phát hiện thu giữ trên mặt đường quốc lộ 7A, cách cửa trước bên phải xe ô tô 65cm vị trí Võ Văn Q ngồi mở cửa ra có 01 (một) gói được gói bằng bao potylen màu đen bên trong chứa 03 (ba) gói bằng bao potylen màu xanh và 01 (một) gói bằng bao potylen hồng, bên trong các gói đều chứa các viên nén màu hồng. Võ Văn Q và Trần Thị N đều khai nhận toàn bộ số viên nén màu hồng Công an phát hiện thu giữ đều là hồng phiến (ma túy tổng hợp) do Q vay tiền của N góp lại mua về để sử dụng khi bị kiểm tra Q đã rút xuống đường. Công an Thành lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với Võ Văn Q và Trần Thị N, niêm phong vật chứng đưa người và vật chứng đến cơ quan điều tra Công an huyện Tương Dương để điều tra làm rõ.

Kết luận giám định số 1042/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 27/6/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Viên nén màu hồng (ký hiệu từ M1 đến M4) thu giữ của Võ Văn Q và Trần Thị N gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine), có tổng khối lượng 78,1g (bảy mươi tám phẩy một gam).

Kết luận giám định số 319/KL-PC09(Đ3) ngày 12/8/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

- Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) gồm 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) có mã số hiệu: NY 18952164; UO

14206375; PI 17928716; OU 17424562; OZ 16907073; XT 17883547; FU 18946359; EJ 16279268 thu của Võ Văn Q và Trần Thị N gửi giám định ***là tiền thật***.

Bản cáo trạng số 109/CT-VKS-TD ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương đã truy tố Võ Văn Q và Trần Thị N về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố của Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo: Võ Văn Q mức án 12 năm đến 12 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s, x khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo: Trần Thị N mức án 10 năm 02 tháng đến 10 năm 08 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy và phong bì niêm phong; Trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho bị cáo Q.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Võ Văn Q, Trần Thị N đồng ý với quan điểm truy tố của Kiểm sát viên, không có ý kiến, không tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công An huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Thành tố tụng, người Thành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Võ Văn Q, Trần Thị N đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, và các chứng cứ

tài liệu khác có trong hồ sơ. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 22/06/2021, tại bản Q Yên, xã Tam Đình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, Võ Văn Q và Trần Thị N đang có hành vi tàng trữ trái phép 78,1g (Bảy mươi tám phẩy một gam) ma túy Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Như vậy hành vi của các bị cáo và khối lượng chất ma túy thu giữ của Võ Văn Q, Trần Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Chính vì vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương đã truy tố các bị cáo Võ Văn Q, Trần Thị N theo tội danh và Điều luật, viện dẫn ở trên là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Đây là vụ án rất nghiêm trọng bởi hành vi phạm tội của các bị cáo phạm vào điểm b khoản 3 điều 249 Bộ luật hình sự, điều luật có khung hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, vì ma túy là chất gây nghiện rất cao, gây nguy hại cho sức khỏe con người, làm ảnh hưởng xấu mọi mặt của đời sống xã hội, vì lẽ đó mà nhà nước ta nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng ma túy dưới bất cứ hình thức nào đều bị coi là bất hợp pháp và bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật và cần cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có nhiều người tham gia thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn nên cần phân hóa vai trò của từng người để áp dụng hình phạt phù hợp. Bị cáo Võ Văn Q là người khởi xướng, sử dụng tiền của mình và tiền vay của bị cáo Trần Thị N để mua ma túy nên cần phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo N.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Võ Văn Q: không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo Q là người khởi xướng và việc sử dụng ma túy. Ngoài ra, bị cáo Q có nhân thân xấu: Năm 1998, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản của công dân*"; Năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"; Năm 2014, bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 36 (Ba mươi sáu) tháng tù

về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò, nhân thân phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Thị N: Năm 2018, bị cáo N đã bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Bản án số 04 ngày 29/01/2018. Đã chấp hành xong bản án theo quy định nhưng chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt của bị cáo.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Võ Văn Q, Trần Thị N sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình gây ra nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho cả hai bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tuy nhiên, đối với bị cáo Trần Thị N có bố, mẹ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo Q có bố là người có công với cách mạng, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp vì Võ Văn Q, Trần Thị N không phải là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ mà cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho cả hai bị cáo để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt mới phù hợp, để thể hiện sự khoan hồng của nhà nước ta mà cải tạo mình thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo Q trong mức đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Tuy nhiên, đối với bị cáo N, Kiểm sát viên đề nghị mức án 10 năm 02 tháng đến 10 năm 08 tháng tù là quá nhẹ chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo vì bị cáo N có tình tiết tăng nặng “*tái phạm*” nên cần phải xử lý nghiêm áp dụng hình phạt cao hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

Về số ma túy nói trên các bị cáo khai mua của một người phụ nữ tên “Ngọc” và của một người đàn ông không quen biết. Do không xác định được lai lịch, địa chỉ của người phụ nữ tên “Ngọc” và người đàn ông đã bán ma túy cho Q nên không có cơ sở để xử lý.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự lẽ ra cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo, song xét thấy các bị cáo Võ Văn Q, Trần Thị N không có công việc, thu nhập ổn định, khó có khả năng thi hành nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Về số vật chứng còn lại của vụ án sau khi mang đi giám định là 01 phong bì thư bưu điện màu trắng, bên ngoài có dòng “CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN, CÔNG AN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG”, được niêm phong theo quy định, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương và chữ ký của hai đối tượng Võ Văn Q và Trần Thị N. Bên trong đựng 76,1 (*bảy mươi sáu phẩy một*) gam Methamphetamine và vỏ giấy niêm phong cũ thu giữ của Võ Văn Q và Trần Thị N cần tịch thu tiêu hủy.

- Về số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) gồm 08 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) có mã số hiệu: NY 18952164; UO 14206375; PI 17928716; OU 17424562; OZ 16907073; XT 17883547; FU 18946359; EJ 16279268 thu giữ của Võ Văn Q. Số tiền này là do người đàn ông bán ma túy trả lại tiền thừa cho bị cáo Q nên không liên quan đến hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Q. Vì vậy, cần trả lại cho bị cáo Q số tiền 4.000.000 đồng trên.

[8] Về án phí: Các bị cáo Võ Văn Q, Trần Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Võ Văn Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Võ Văn Q 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22 tháng 06 năm 2021.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Trần Thị N 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22 tháng 06 năm 2021.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiêu hủy vật chứng còn lại của vụ án là 01 phong bì thư bưu điện màu trắng, bên ngoài có dòng “CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN, CÔNG AN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG”, được niêm phong theo quy định, có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện

Tương Dương và chữ ký của hai đối tượng Võ Văn Q và Trần Thị N. Bên trong đựng 76,1 (bảy mươi sáu phẩy một) gam Methamphetamine và vỏ giấy niêm phong cũ thu giữ của Võ Văn Q và Trần Thị N. (Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/10/2021 giữa cơ quan Công an huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An).

Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) thu giữ của Võ Văn Q. (Số tiền này Cơ quan Công an huyện Tương Dương đã nộp vào tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án huyện Tương Dương theo Giấy nộp tiền ngày 16/8/2021).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Võ Văn Q, Trần Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Võ Văn Q, Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 12/01/2022.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh NA;
- VKS Tương Dương;
- Công an Tương Dương;
- UBND xã Nghĩa Khánh;
- Bị cáo, Trại tạm giam;
- Sở Tư Pháp Nghệ An;
- Chi cục THADS Tương Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Cường